

# Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật trong giai đoạn hiện nay

Phan Trung Hiền\*, Nguyễn Thành Phương\*\*

Nhận ngày 25 tháng 2 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 17 tháng 8 năm 2022.

**Tóm tắt:** Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật là một trong những hành trang quan trọng giúp sinh viên có cơ hội được tuyển dụng. Thực tế cho thấy, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Việt Nam vẫn đứng sau rất nhiều quốc gia tại Đông Nam Á. Riêng đối với sinh viên luật sau khi hoàn thành chương trình đào tạo cử nhân vẫn chưa thực sự hội nhập theo hướng tiếp cận nguồn nhân lực do một số nguyên nhân, trong đó có thể liệt kê như: chương trình đào tạo chưa gắn liền với thực tiễn ứng dụng, nhà trường chưa có kế hoạch cụ thể trong liên kết đảm bảo đầu ra cho sinh viên hoặc giả chưa xác định cụ thể phải đào tạo kỹ năng cần thiết nào cho sinh viên... Từ thực trạng nêu trên, bài viết chỉ ra những bất cập trong đào tạo kỹ năng và đưa ra những giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành luật trong giai đoạn hiện nay.

**Từ khóa:** Kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên, chất lượng đào tạo.

**Phân loại ngành:** Luật học

**Abstract:** Improving professional skills for law students is one of the important tools to help them to be more likely to be employed. In fact, the skills of Vietnamese students are still lower than those of many countries in Southeast Asia. For law students particularly, after completing the bachelor's training programme, they are yet to be really integrated to meet the demand for human resources due to a number of reasons, namely: the training programme is not linked to practical application, the university not having a specific plan to be connected with potential employers to secure employment for the students, or having not determined specifically which skills are to be trained... Considering the situation, the article points out the inadequacies in skills training and offers solutions to improve the quality of the training of professional skills for law students in the current period.

**Keywords:** Professional skills, students, training quality.

**Subject classification:** Jurisprudence

## 1. Đặt vấn đề

Từ lâu, tại những quốc gia phát triển, chương trình đào tạo kỹ năng nghề nghiệp được xem là một khâu quan trọng, nhằm đánh giá, kiểm định chất lượng đào tạo của nhà trường. Điều này không chỉ giúp sinh viên tự đánh giá về bản thân mà còn giúp nhà trường điều chỉnh, rà soát lại mục tiêu, nội dung, chương trình đào tạo.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy không phải cơ sở đào tạo nào cũng nhận diện và đáp ứng đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ tiến trình thực hành, cũng như hoạch định cơ sở thực tập cho sinh viên nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp. Thống kê sinh viên các ngành ở một trường đại học ở Việt Nam cho thấy, 90% sinh viên sau khi ra trường hầu như chưa đạt kỹ năng mà nhà tuyển dụng yêu cầu. Đây cũng là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến kết quả mỗi năm có trên 400.000 sinh viên tốt nghiệp chưa có việc làm hoặc công tác trái ngành nghề được đào tạo (Đại học Nguyễn Trãi, 2016).

---

\*, \*\* Trường Đại học Nam Cần Thơ.

Email: nguyenthanhphuong099@gmail.com

Bài viết sẽ góp phần trả lời các câu hỏi: sinh viên luật cần trang bị kỹ năng gì khi bước vào ngưỡng cửa tương lai? Các cơ sở đào tạo luật hiện nay đã làm gì nhằm nâng cao chất lượng sinh viên ngành luật, đáp ứng cho nhu cầu xã hội?

## 2. Khái niệm kỹ năng nghề nghiệp

Kỹ năng nghề nghiệp (professional skills hoặc vocational skills) là thuật ngữ có nguồn gốc từ kỹ năng (skill), nhưng nội hàm được mở rộng theo hướng khả năng và năng lực thực hiện của con người. Trong đó, cụm từ “năng lực thực hiện” được dịch từ tiếng Anh mang hàm nghĩa “competency” hay “competence”. Trên phương diện nghiên cứu, năng lực thực hiện được hiểu là sự tích hợp của ba thành tố liên quan bao hàm kiến thức, kỹ năng, thái độ cần thiết hướng đến mục tiêu hoàn thành từng công việc cụ thể của nghề, không phải là sự tồn tại độc lập giữa chúng với nhau (Vũ Xuân Hùng, 2016).

Nếu thuật ngữ “Kỹ năng” chỉ được hiểu theo nghĩa hẹp, tức là hướng đến thao tác, khả năng hoạt động cụ thể thì việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên nói chung và sinh viên ngành luật nói riêng sẽ hướng đến khả năng, năng lực thực hiện hành động của sinh viên trong những lĩnh vực nghề nghiệp. Từ đó, việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp đối với sinh viên ngành luật phải được hiểu theo nghĩa rộng ở phạm vi năng lực sinh viên, mới đánh giá đầy đủ tầm vĩ mô của việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp (Vũ Xuân Hùng, 2011).

Hiện nay, khi đề cập đến vấn đề nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, nhiều quan điểm vẫn đánh giá vấn đề theo nghĩa hẹp, tức là tập trung về mặt kỹ năng của sinh viên nhiều hơn, thay vì phải đào tạo một cách đồng bộ liên quan đến kiến thức và các phẩm chất có liên quan như: đạo đức, thái độ, hành vi... Báo cáo phát triển Việt Nam năm 2014, World Bank đã chỉ ra 3 kỹ năng quan trọng khi sinh viên ra trường cần phải đáp ứng so với nhu cầu của xã hội, bao gồm: kỹ năng nhận thức, kỹ năng xã hội và hành vi, kỹ năng kỹ thuật. Tùy vào đặc điểm của từng ngành nghề sẽ có những kỹ năng tương thích (Vũ Xuân Hùng, 2014). Trong đó, với sinh viên ngành luật khi ra trường cần đáp ứng được những tiêu chí cụ thể như sau:

(i) *Kỹ năng nhận thức*: để thỏa mãn tiêu chí này, sinh viên cần có kỹ năng sử dụng tư duy logic, trực giác và tư duy phản biện, giải quyết vấn đề thông qua những kiến thức đã được trang bị từ ghế nhà trường. Trong đó, nhà trường cần tập trung kỹ năng này thông qua hình thức cho sinh viên có khả năng đọc hiểu văn bản luật, mở rộng đến khả năng nhận diện bất cập và chỉ ra được phương hướng giải quyết những bất cập đã nhận diện được theo một quy trình tư duy logic.

(ii) *Kỹ năng xã hội và hành vi*: ở kỹ năng này, nhà trường cần khai thác những tố chất mà sinh viên đang có và đẩy mạnh phát huy, chỉ ra những khiếm khuyết mà sinh viên khi ra trường gặp phải khi ứng tuyển vào thị trường lao động. Qua đó, hướng sinh viên học luật cởi mở để trải nghiệm, tận tâm với nghề, hướng ngoại, biết cách tán đồng và biết cách từ chối, biết cách làm việc độc lập nhưng cũng biết cách làm việc nhóm.

(iii) *Kỹ năng kỹ thuật*: bao gồm sự khéo léo nhằm sử dụng những công cụ, phương tiện sẵn có phục vụ cho công tác hành nghề từ đơn giản cho đến phức tạp. Trong đó, đề cao kỹ năng đọc hiểu có chọn lọc, kỹ năng nghiên cứu từ đơn giản cho đến phức tạp. Ví dụ: khi tuyển dụng nhân sự có chuyên môn ngành luật, doanh nghiệp mong muốn ứng viên phải: (1) Thiết kế “luật riêng” cho doanh nghiệp; (2) Giải mã các vùng xám pháp lý; (3) Hòa hòa giữa nghiệp vụ kinh doanh và quy định pháp lý; (4) Cảnh báo rủi ro và thiết lập công cụ hỗ trợ/bảo vệ doanh nghiệp (Vũ Đăng Hải Yến, 2020).

Như vậy, việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp đối với sinh viên ngành luật hiện nay được hiểu là khả năng của sinh viên có thể thực hiện công việc nghề nghiệp của mình một cách có hiệu quả trong một thời gian thích hợp, với những điều kiện nhất định, dựa vào sự tích hợp nhuần nhuyễn các

yếu tố như: kiến thức, kỹ năng, thái độ mà sinh viên đã được đào tạo khi ngồi trên ghế nhà trường. Do vậy, việc phát triển kỹ năng cho sinh viên ngành luật không chỉ tập trung đến kỹ năng nhận diện pháp luật mà cần phải tiếp tục phát triển, hoàn thiện những kỹ năng trong mối quan hệ kiến thức và thái độ trong suốt quá trình hành nghề luật.

### 3. Thực trạng về kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên và sinh viên luật

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020, Đảng và Nhà nước đã xác định rõ mục tiêu: “phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một đột phá chiến lược,... là một lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, bảo đảm cho phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững...” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2011, tr.23). Đối với ngành luật, trong thời gian gần đây, các cơ sở đào tạo đã có nhiều hình thức để rèn luyện và nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên như: bổ sung môn Kỹ năng nghề nghiệp vào chương trình đào tạo (độc lập hoặc ghép chung với môn Phương pháp nghiên cứu), giảng các môn luật tố tụng tại phòng xử án mẫu theo hình thức diễn án. Ngoài ra, các đơn vị đào tạo còn mời các chuyên gia nhiều kinh nghiệm công tác tại cơ quan ban hành pháp luật, thực hiện pháp luật, bảo vệ pháp luật cũng như các chuyên gia trong các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực pháp lý để chia sẻ kiến thức, kỹ năng nghề luật cho sinh viên. Một số đơn vị đào tạo tổ chức các cuộc thi về tìm hiểu pháp luật chuyên ngành, olympic luật học. Đặc biệt, một số đơn vị đào tạo nhiều kinh nghiệm còn tạo sân chơi giữa sinh viên các cơ sở đào tạo luật với nhau như: FDI Moot, V Moot... Không thể phủ nhận, các hoạt động nêu trên góp phần quan trọng trong việc định danh, rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành luật. Mặt khác, điều này cũng thể hiện mối quan tâm rất lớn của các đơn vị đào tạo luật về yêu cầu cấp thiết phải rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên ngành luật trong giai đoạn hiện nay.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy kỹ năng đào tạo nghề nghiệp cho sinh viên sau khi ra trường tại Việt Nam nói chung vẫn đứng sau rất nhiều quốc gia tại Đông Nam Á như: Singapore, Thái Lan, Indonesia, Philippines, Malaysia..., cụ thể theo báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu năm 2019 do Diễn đàn Kinh tế thế giới (WEF) công bố, chất lượng đào tạo nghề của Việt Nam đang xếp thứ 102/141; Tiêu chí kỹ năng của lực lượng lao động xếp thứ 103/141. Trong đó, chất lượng đào tạo nghề nghiệp xếp thứ 102/141; Kỹ năng cần cho doanh nghiệp của học sinh, sinh viên tốt nghiệp (trung học và đại học) xếp thứ 116/141. Tính riêng kỹ năng sinh viên tốt nghiệp đại học xếp thứ 123/141; Khả năng doanh nghiệp tìm được lao động có kỹ năng phù hợp với vị trí cần tuyển xếp thứ 96/141 (Tổng cục Giáo dục nghề, 2019).

Thực tế cho thấy, mức độ hài lòng của đơn vị sử dụng nhân sự là thước đo hiện hữu cho chất lượng đào tạo. Thiếu kỹ năng mềm và kỹ năng nghề nghiệp là một trong những nguyên nhân khiến nhiều sinh viên luật gặp khó khăn trong vấn đề tuyển dụng. Khi đó, nhiều cơ sở đào tạo vẫn chưa xác định được kỹ năng cần thiết để trang bị cho sinh viên. Những kỹ năng cơ bản của người học như đọc sách, tìm tài liệu, khai thác thông tin từ Internet, sử dụng công nghệ phục vụ cho học tập, nghiên cứu... sinh viên vẫn chưa được trang bị (Trần Huỳnh, 2019). Nhìn nhận một cách khách quan về chương trình đào tạo luật hiện nay liên quan đến những học phần đào tạo kỹ năng tại các đơn vị có thể phân định làm 3 nhóm kỹ năng quan trọng:

(i) *Nhóm định hướng nghề nghiệp bao gồm những học phần như:* Nghề luật, Đạo đức nghề luật, Nghề luật và phương pháp nghiên cứu, Nghiệp vụ thư ký Tòa án... Điềm qua đề cương môn học này tại các cơ sở đào tạo, chúng tôi nhận thấy nội dung chỉ dừng lại tại giới hạn đào tạo cho sinh viên về đạo đức hành nghề luật hoặc học luật có thể công tác ngành nghề gì. Cho sinh viên nhận thấy được vai trò, tầm quan trọng của việc học luật. Tuy nhiên, không chỉ ra được những khó khăn khi sinh viên chọn nghề luật. Từ đó, sinh viên ra trường không thích nghi được văn hóa làm việc tại cơ quan công tác.

(ii) *Nhóm môn học kỹ năng nghề nghiệp*: Kỹ năng tranh tụng trong vụ án hình sự, Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng, Kỹ năng tư vấn pháp luật, Kỹ năng nghiên cứu và lập luận..., đây được xem là nhóm kỹ năng quan trọng giúp sinh viên mô phỏng được ngành nghề mà mình đang học tập. Tuy nhiên, đa phần những môn học này được giảng dạy tại cơ sở đào tạo, một số nơi có phòng xử án mẫu, thay vì được trải nghiệm ngay chính tòa án, văn phòng luật sư, tập đoàn hay những doanh nghiệp như mô hình mà các quốc gia phát triển mạnh ngành luật đang thực hiện.

(iii) *Nhóm kỹ năng sử dụng công nghệ, rèn luyện ngoại ngữ và tin học*: được thể hiện qua các môn học như anh văn căn bản, tin học căn bản; nhìn chung đây được xem là nhóm kỹ năng chưa được đánh giá cao ở sinh viên ngành luật. Bởi thực tế, đào tạo kỹ năng ngoại ngữ hiện nay đối với sinh viên luật chỉ ở giới hạn căn bản, rất ít đơn vị đào tạo có những học phần chuyên sâu liên quan đến anh văn, thuật ngữ chuyên ngành. Đội ngũ đào tạo là những giảng viên khoa ngoại ngữ không am hiểu đến lĩnh vực pháp luật. Từ đó, kiến thức ngoại ngữ không đáp ứng đầy đủ cho sinh viên khi có nhu cầu ứng tuyển vào những tập đoàn đa quốc gia.

Khi tham vấn từ những doanh nghiệp có sử dụng lao động ngành luật được khảo sát ở một số đơn vị đào tạo, với câu hỏi sinh viên ngành luật cần trang bị kỹ năng hay còn thiếu kỹ năng gì, phần lớn ý kiến cho rằng sinh viên luật chưa đáp ứng đầy đủ những kỹ năng quan trọng trước khi chuẩn bị phỏng vấn: kỹ năng về ngoại ngữ, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng tranh luận, kỹ năng viết CV, kỹ năng phỏng vấn. Nhìn chung, về kỹ năng ngoại ngữ, thuyết trình, giao tiếp phần nào đã được lồng ghép vào một số môn học nhưng thực tế liên quan đến kỹ năng viết CV xin việc, cho đến kỹ năng phỏng vấn xin việc gần như đa số các cơ sở đào tạo luật chưa làm tốt điều này.

#### **4. Một số kiến nghị nhằm nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật**

##### *4.1. Vấn đề xác định kỹ năng nghề nghiệp theo chuyên ngành*

Nhìn chung, tốc độ tăng trưởng liên quan quan đến năng suất lao động của Việt Nam trong giai đoạn 2011-2019 cao hơn các nước ASEAN-6. Tính theo sức mua tương đương (PPP 2011), năng suất lao động của Việt Nam giai đoạn 2011-2019 tăng bình quân 4,87%/năm, cao hơn mức tăng bình quân của Singapore (1,37%/năm); Malaysia (2,04%/năm); Thái Lan (3,17%/năm); Indonesia (3,59%/năm); Philippines (4,33%/năm); Brunei (giảm 0,32%/năm). Nhờ đó, Việt Nam đã thu hẹp được khoảng cách tương đối với các nước ASEAN có trình độ phát triển cao hơn. Tuy nhiên, năng suất lao động của Việt Nam năm 2019 vẫn chỉ bằng 7,6% năng suất của Singapore; 19,5% của Malaysia; 37,9% của Thái Lan; 45,6% của Indonesia; 56,9% năng suất lao động của Philippines và 6,89% của Brunei (Anh Phương, 2020). Điều này cho thấy nền kinh tế Việt Nam sẽ phải đối mặt với thách thức rất lớn trong thời gian tới để có thể bắt kịp mức năng suất lao động của các nước ASEAN (Phan Chính Thức, 2014). Từ vấn đề trên, đặt ra câu hỏi Nhà nước đã có những cơ chế, chính sách ra sao liên quan đến đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên đại học nói chung và sinh viên ngành luật nói riêng. Nghị quyết số 29-NQ-TW ngày 4/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương tại Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về “đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo” nhấn mạnh “đổi mới giáo dục nghề nghiệp, tập trung đào tạo nhân lực có kiến thức, kỹ năng và trách nhiệm. Hình thành hệ thống giáo dục nghề nghiệp với nhiều phương thức và trình độ đào tạo kỹ năng nghề nghiệp theo hướng ứng dụng, thực hành, bảo đảm đáp ứng nhu cầu nhân lực kỹ thuật công nghệ của thị trường lao động trong nước và quốc tế”.

Vấn đề đặt ra là, hiện nay vẫn chưa có những văn bản pháp luật điều chỉnh trực tiếp liên quan đến việc đào tạo kỹ năng nghề tại các trường đại học như học kỹ năng gì, tổ chức tiến hành ra sao. Việc hướng dẫn kỹ năng nghề phụ thuộc nhiều nhận thức của lãnh đạo nhà trường, vào nhân lực, vật lực

của từng trường, cơ sở đào tạo, số tín chỉ học phần kỹ năng do mỗi trường tự quyết. Khi đối chiếu và so sánh vấn đề cùng những quốc gia có chỉ số cạnh tranh cao liên quan đến kỹ năng cần cho doanh nghiệp của sinh viên tốt nghiệp đại học đã sớm hình thành những đạo luật có liên quan, điều chỉnh trực tiếp. Đơn cử tại Malaysia, kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên được khái quát là khả năng sinh viên được học, đồng thời được thực hành nhằm thực hiện thành thạo một nhiệm vụ hay công việc được giao căn cứ theo Luật kỹ năng phát triển nghề nghiệp (Law of Malaysia, 2006). Khi đó, tại Philippines quá trình phát triển kỹ năng cho sinh viên đại học là công cuộc mà trong đó người học sẽ được tiếp cận với hàng loạt cơ hội để lĩnh hội kỹ năng và cách ứng xử cần có khi tiếp cận với công việc có liên quan trực tiếp đến ngành nghề mà mình đang học căn cứ theo Đạo luật TESDA năm 1994 (Philippines Republic Act, 1994). Tổng hợp những đạo luật trên cho thấy, trách nhiệm đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên là nhiệm vụ mà cơ sở đào tạo phải thực hiện, đồng thời những doanh nghiệp có vốn nhà nước, cơ quan nhà nước và những tổ chức hoạt động phi lợi nhuận có trách nhiệm đồng hành, liên kết cùng các cơ sở đào tạo kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên. Từ những kinh nghiệm trên, thiết nghĩ pháp luật nước ta cần có những đạo luật điều chỉnh liên quan trực tiếp đến hoạt động đào tạo kỹ năng nghề tại các trường đại học như các quốc gia trên thế giới nhằm nâng cao chất lượng kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên trong giai đoạn hội nhập quốc tế. Trên cơ sở đó, các hiệp hội giữa các trường đào tạo luật ở Việt Nam mà tiêu biểu là Mạng lưới các đơn vị đào tạo luật vừa được thành lập trong những năm gần đây sẽ có thêm những định hướng chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm trong việc nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật.

#### *4.2. Vấn đề xây dựng chương trình đào tạo gắn với khả năng ứng dụng thực tiễn*

Ở Mỹ, sinh viên có nguyện vọng muốn vào học tại các trường luật sau khi tốt nghiệp đại học sẽ được khuyến khích đăng ký và tham gia vào các lớp học nhằm phát triển kỹ năng như: phân tích và giải quyết vấn đề, đọc hiểu có chọn lọc, viết luận, giao tiếp, lắng nghe, và nghiên cứu khoa học. Ủy ban điều hành của Hiệp hội Luật sư Hoa Kỳ (ABA) nhận định rằng, các kỹ năng này sẽ giúp sinh viên chuẩn bị tốt hành trang trước khi học tập ngành luật cũng như quá trình học tập tại trường (Kathleen Santopietro Weddel, 2006). Theo đó, quá trình xét tuyển sinh viên ngành luật sẽ tập trung vào bước đánh giá kỹ năng của sinh viên bao gồm: đọc hiểu, lập luận, phân tích logic và viết luận, bên cạnh đó chương trình đào tạo nghề luật tại Hoa Kỳ có đến 40% dung lượng thời gian tập trung cho rèn luyện và thực hành kỹ năng (Pamela Katz, Lê Nguyễn Gia Thiện, 2019). Điều này hoàn toàn đối lập tại nước ta khi các môn kỹ năng luật chiếm rất ít trong chương trình đào tạo và phần lớn đều được đào tạo vào những học kỳ cuối, thay vì phải đào tạo bước đầu như những quốc gia phát triển khác. Đơn cử với ngành Luật, một số đơn vị đào tạo ở Việt Nam đã bắt đầu đưa vào những môn học như: Kỹ năng nghiên cứu và lập luận (1 tín chỉ); Kỹ năng đàm phán soạn thảo hợp đồng (2 tín chỉ) (Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2022). Phương pháp và kỹ năng nghiên cứu khoa học luật (3 tín chỉ) Khoa Luật - Đại học Cần Thơ (2022).

Ngoài ra, khả năng bám trụ, thích nghi với công việc cũng là vấn đề đáng quan tâm. Bởi thực tế đại bộ phận sinh viên ngành luật chỉ học tập chiếm phần lớn thời lượng, mà chưa trải nghiệm công tác bán thời gian tại các văn phòng, công ty để tích lũy kinh nghiệm. Từ đó, dưới áp lực công việc mới, sinh viên chưa thích nghi kịp thời dẫn đến nguy cơ bỏ việc cao. Khi thực tế kỹ năng xã hội và điều tiết hành vi chưa được trang bị đầy đủ, dẫn đến việc sinh viên chưa điều tiết được cảm xúc, khả năng hướng ngoại thấp và chưa cởi mở đón nhận thử thách...

#### *4.3. Xây dựng mô hình giảng dạy lý thuyết và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp*

Chất lượng giáo dục đại học trong những năm gần đây tại khu vực ASEAN đã có những thành tựu nhất định khi nhiều trường đại học trong khu vực lọt top xếp hạng trên thế giới. Điều này

khẳng định sự phát triển đúng hướng khi đẩy mạnh xây dựng mô hình giảng dạy lý thuyết và trải nghiệm thực tế nghề nghiệp. Trong đó, với những trường đại học tại Singapore không phân định trường công hay tư đều chú trọng việc học lý thuyết, vận dụng áp dụng với thực hành. Trường đại học thường liên kết đào tạo cùng những trường đại học tại Anh, Mỹ, Pháp, Đức..., nhằm cập nhật chương trình đào tạo phù hợp với xu hướng chuyên sâu, chuyên ngành. Đồng thời cũng tận dụng kinh nghiệm đào tạo kỹ năng ở những quốc gia có nền giáo dục tiên tiến. Thêm vào đó, ngoài những kiến thức được đào tạo trên giảng đường sinh viên còn được tham gia vào các dự án nghiên cứu của các doanh nghiệp, tổ chức phi chính phủ. Thông qua những chương trình nghiên cứu, lấy ý kiến chuyên gia nhằm góp ý cho việc sửa đổi các dự án, qua đó sinh viên đóng vai trò trọng yếu trong công tác khảo sát thực tế. Đây được xem là những kinh nghiệm thực tế, rất cần thiết cho sinh viên sau khi tốt nghiệp công tác trong những đơn vị có liên quan trực tiếp đến quá trình thực hiện các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh, gắn với việc đề xuất các dự án xây dựng luật, pháp lệnh, nghị định, quyết định ở địa phương...

Ở Malaysia, để phát triển mô hình đào tạo gắn liền với ứng dụng thực tiễn theo kế hoạch đề ra, chính phủ Malaysia sẽ nhường lại quyền kiểm soát giáo dục đại học cho một số tổ chức độc lập có uy tín, có khả năng đáp ứng các tiêu chuẩn cao trong khuôn khổ pháp lý quốc gia. Mục tiêu này nhằm gia tăng quyền tự chủ nhiều hơn cho các trường đại học, hướng đến các trường có khả năng đáp ứng nhanh chóng xu hướng phát triển giáo dục đại học gắn với thực tiễn kinh tế toàn cầu. Về chương trình đào tạo, Chính phủ Malaysia đặt trọng tâm hướng các trường đại học phải tiếp cận với các chương trình thực tập, thành lập vườn ươm doanh nghiệp; nhằm thu hút sinh viên học tập và thực hành kỹ năng nghề tại cơ sở đào tạo. Cụ thể hóa điều này, một số trường đại học tại Việt Nam đã thực hiện mô hình “Doanh nghiệp trong trường đại học”. Điều này đúng với phương châm ngành nghề nào cũng phải theo nguyên lý học lý thuyết đi đôi với thực hành thực tế trực tiếp với mô hình doanh nghiệp trong nhà trường. Đối với lĩnh vực luật học, một số đơn vị đào tạo đã hình thành trung tâm trợ giúp pháp lý cho doanh nghiệp. Trong đó, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, kiện tụng liên quan đến thương mại, kinh tế. Được xem là một trong những mô hình giúp giảng viên, cũng như sinh viên ngành luật có điều kiện cọ xát thực tế, trau dồi kỹ năng chuyên môn.

#### *4.4. Vấn đề hợp tác giữa trường đại học và doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng nghề cho sinh viên ngành luật*

Ngay từ những năm đầu thế kỷ XX, cùng với sự phát triển công nghiệp, dịch vụ và thương mại, vấn đề phải cải cách giáo dục đào tạo đã bắt đầu manh nha tại những quốc gia có nền kinh tế phát triển. Các nhà hoạch định chiến lược nhận thấy phương pháp đào tạo truyền thống theo hướng đại trà bắt đầu không còn phù hợp với nhu cầu xã hội lúc bấy giờ. Trong những năm 1970, Kathleen Santopietro Weddel đưa ra phương thức giáo dục theo nhu cầu xã hội, nhận được sự tán đồng và vận dụng tại những quốc gia khu vực Bắc Mỹ (Kathleen Santopietro Weddel, 2006). Trong bối cảnh hội nhập, yêu cầu cạnh tranh để tồn tại và phát triển diễn ra gay gắt trên khắp các lĩnh vực của đời sống, giáo dục và đào tạo cũng không nằm ngoài quy luật này. Khi đó, những cơ sở đào tạo luật hiện nay cũng đã từng bước chú trọng hơn đến nhu cầu thị trường và doanh nghiệp. Sự liên kết và hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp được xem là một quá trình tương tác không thể tách rời. Đơn cử, trong những năm vừa qua, trong hoặc ngoài khuôn khổ kiểm định chất lượng, đã có nhiều cuộc khảo sát được tiến hành xoay quanh chất lượng đào tạo sinh viên ngành luật của trường với các cơ quan, doanh nghiệp trên các địa bàn lân cận.

Nội dung chính yếu tại bảng khảo sát tập trung vào thái độ làm việc của sinh viên ngành luật đang công tác tại đơn vị, hiệu quả công việc được giao, mức độ chuyên cần, kỹ năng của sinh viên qua quá trình đào tạo tại trường. Từ những kết quả thu thập, các đơn vị đào tạo sẽ có những bước tiến hành

rà soát chương trình đào tạo ở các chuyên ngành luật. Trong đó, tăng cường một số môn liên quan đến kỹ năng tư vấn trong lĩnh vực thành lập doanh nghiệp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tư vấn..., theo góp ý từ nhà tuyển dụng. Vấn đề trên cho thấy, việc đào tạo cử nhân luật hiện nay cần chú trọng đến nhu cầu xã hội, theo đó tập trung vào những kỹ năng, yếu tố mà nhà tuyển dụng đề ra. Từ đó, việc lấy ý kiến khảo sát từ doanh nghiệp, cơ quan là một trong những chìa khóa giúp nhà trường hoàn thiện khung chương trình đào tạo của mình trong tương lai.

Bên cạnh đó, tại những quốc gia có chỉ số cạnh tranh cao liên quan đến kỹ năng cần cho doanh nghiệp của học sinh, sinh viên như Thái Lan, các trường đại học đã sớm liên kết cùng những doanh nghiệp nhằm bám sát nhu cầu của thị trường. Khi đó, phân định ngành học theo hướng nghiên cứu hoặc định hướng ứng dụng. Từ đó, hoạch định chiến lược đào tạo kỹ năng riêng biệt, nhằm thích ứng nhanh với công việc mà sinh viên đã chọn lựa từ đầu. Điều này phần nào cũng được thể hiện tại một số cơ sở đào tạo khi việc đào tạo thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu hay ứng dụng đã được triển khai.

Ngoài ra, điều quan trọng là giảng viên phải khơi dậy khát vọng, ý chí vươn lên cho sinh viên, đồng thời giáo dục họ có thái độ sống tích cực. Đây là kỹ năng vô cùng quan trọng. Thay vì tập trung vào những môn học như giáo dục thể chất, quốc phòng, ngoại ngữ, tin học căn bản như hiện nay. Đặc biệt, để sinh viên có những kỹ năng nghề nghiệp thì giảng viên tại cơ sở đào tạo phải được cung cấp các kiến thức về kỹ năng và phương pháp rèn luyện kỹ năng. Mặt khác, tự thân mỗi giảng viên, trong khuôn khổ chuyên môn, phải tự cập nhật, nâng cao kỹ năng nghề luật. Chẳng hạn, một giảng viên chưa từng viết một hợp đồng trên thực tế thì không thể giảng tốt về hợp đồng; một giảng viên chưa bao giờ soạn một văn bản trên thực tế thì việc dạy kỹ năng soạn thảo văn bản là điều khiên cưỡng.

## 5. Kết luận

Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên luật theo hướng tiếp cận nguồn nhân lực là minh chứng rõ ràng nhất nhằm khẳng định chất lượng của cơ sở đào tạo trong tiến trình hội nhập quốc tế. Trong đó, cơ sở đào tạo luật cần đẩy mạnh phát triển đầy đủ các kỹ năng sống, giá trị sống cho người học, đây là một trong những giải pháp hữu hiệu góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra đáp ứng nhu cầu xã hội, thể hiện cam kết và trách nhiệm giải trình của đơn vị đào tạo. Cùng với sự phát triển của các quan hệ pháp luật vào đời sống xã hội, đòi hỏi cơ sở đào tạo cần có chiến lược hoạch định kỹ năng nào cần thiết khi sinh viên ra trường. Bên cạnh đó, cần xác định chính xác những môn học gắn liền với thực tiễn, xây dựng mô hình lý thuyết gắn liền thực hành, cũng như xây dựng mối quan hệ chặt chẽ cùng những đơn vị sử dụng lao động nhằm có sự tham vấn nhu cầu lao động mà doanh nghiệp đang hướng đến, từ đó có kế hoạch rà soát, điều chỉnh thích hợp, đây là một trong những mục tiêu, phương pháp cần được xây dựng và đưa vào giảng dạy trong các trường đại học. Rèn luyện kỹ năng là một trong những phương pháp thực sự cần thiết giúp người học có thể nâng cao năng lực của bản thân trong quá trình học và định hướng nghề nghiệp khi ra trường trong sự nghiệp giáo dục - đào tạo ở Việt Nam trên con đường hội nhập quốc tế.

## Tài liệu tham khảo

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
2. Vũ Xuân Hùng (2011), *Dạy học hiện đại và nâng cao năng lực dạy học cho giáo viên*, Nxb Lao động xã hội, Hà Nội.
3. Vũ Xuân Hùng (2014), “Phát triển kỹ năng nghề cho người lao động, giải pháp quan trọng để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia”, Tạp chí *Khoa học dạy nghề*, số 10.

4. Vũ Xuân Hùng (2016), “Bàn về phát triển kỹ năng nghề nghiệp”, Tạp chí *khoa học dạy nghề*, số 35.
5. Phan Chính Thức (2014), “Phát triển kỹ năng nghề trong hội nhập quốc tế”, Tạp chí *Khoa học dạy nghề*, số tháng 10.
6. Vũ Đăng Hải Yến (2020), *Chất lượng đào tạo của các cơ sở luật dưới góc nhìn của doanh nghiệp và một số kiến nghị hoàn thiện*, Tham luận trình bày tại Hội thảo “Thực trạng và giải pháp tăng cường kiểm soát chất lượng đào tạo luật”, Trường Đại học Công nghệ Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19/10.
7. Kathleen Santopietro Weddel (2006), *Copetency Based Education and Content Standards*, Northern Colorado Literacy Resource Center, USA.
8. Law of Malaysia (2006), *National Skills Development Act 2006*, Act 652.
9. Philippines Republic Act (1994), *An Act Creating the Technical Education and Skills Development Authority, Providing for Its Powers, Structure and for Other Purposes*, Act 1994, No. 796.
10. Cổng thông tin điện tử Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tổng cục Dạy nghề (2019), “Mức độ thăng hạng chất lượng đào tạo nghề nghiệp Việt Nam tốt nhất ASEAN năm 2019”, <http://gdnn.gov.vn/AIAdmin/News/View/tabid/66/newsid/37439/seo/Muc-do-thang-hang-chat-luong-dao-tao-nghe-nghiep-Viet-Nam-tot-nhat-ASEAN-nam2019/Default.aspx>, truy cập ngày 16/12/2020.
11. Khoa Luật - Đại học Cần Thơ (2022), “Chương trình đào tạo thạc sĩ luật kinh tế”, <https://gs.ctu.edu.vn/kctdt/>, truy cập ngày 29/6/2022.
12. Trần Huỳnh (2019), “Sinh viên thiếu kỹ năng trường đại học vẫn chưa rõ phải dạy gì”, <https://tuoitre.vn/sinh-vien-thieu-ky-nang-truong-dai-hoc-van-chua-ro-phai-day-gi-20181126215435446.htm>, truy cập ngày 16/12/2020.
13. Pamela Katz - Lê Nguyễn Gia Thiện (2019), “Khái quát về đào tạo luật tại Hoa Kỳ”, <https://thongtinphapluatdansu.edu.vn/2017/06/24/khi-qut-ve-do-tao-luat-tai-hoa-ky/>, truy cập ngày 16/12/2020.
14. Anh Phương (2020), “Năng suất lao động Việt Nam tăng tốc, nhưng vẫn thấp xa so với ASEAN-6”, <https://www.sggp.org.vn/nang-suat-lao-dong-viet-nam-tang-toc-nhung-van-thap-xa-so-voi-asean6-690178.html>, truy cập ngày 11/1/2021.
15. Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh (2022), “Chương trình đào tạo ngành Luật dân sự”, <http://daotao.hcmulaw.edu.vn/Default.aspx?ModuleId=f92f39b2-dea3-4185-8cbb-56c1c49c5226&OlogyID=53&DepartmentID=DS&GraduateLevelID=DH&StudyTypeID=CQ>, truy cập ngày 29/6/2022.
16. Trường Đại học Nguyễn Trãi, “90% sinh viên Việt Nam thiếu kỹ năng mềm”, <http://daihocnguyentrai.edu.vn/90-sinh-vien-viet-nam-khong-co-ky-nang-mem/>, truy cập ngày 16/12/2020.